

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày 28/3/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Văn Sắc**

Bà Phan Thị Trúc Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Trần Đức Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2023/TLST-DS ngày 19/12/2023 về vụ
kiện “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
09/2024/QĐXXST-DS ngày 12/3/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Võ Văn Đồi E**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**

* **Bị đơn:** Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1964 (có mặt)

Ông **Lê Công T1**, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh **Võ Văn Đ**
Em trình bày:**

Trước đây tôi có chơi hui góp vốn xoay vòng không có lãi do bà **Trần Thị T**
và ông **Lê Công T1** làm chủ, đây hui áp ngày 06/6/2012AL, hui 10.000.000 đồng/1
chân, hui 4 tháng xỏ 1 lần, trong đây hui này có tất cả là 32 chân hui, trong đó tôi
chơi 01 chân hui.

Hình thức chơi hui là người hốt đầu tiên bỏ hui 6.000.000 đồng và tất cả các thành
viên trong đây hui đều đóng số tiền là 6.000.000 đồng, lần tiếp theo nếu người hốt

bỏ hụi 5.000.000 đồng thì tất cả các thành viên trong dây hụi đều đóng 5.000.000 đồng và cứ lần lượt như thế đến người hốt sau cùng là 10.000.000 đồng và tất cả mọi người trong dây hụi đều đóng 10.000.000 đồng.

Trong thời gian chơi hụi tôi đã đóng được 22 lần, đến lượt tôi hốt thì bà T kêu bỏ hụi không giao tiền hụi cho tôi. Tôi đã nhiều lần yêu cầu bà T ông T1 trả số tiền hụi cho tôi nhưng bà T ông T1 vẫn không trả.

Nay tôi yêu cầu bà T ông T1 trả cho tôi số tiền gốc thực tế tôi đã đóng tiền hụi là 120.000.000 đồng, yêu cầu trả đủ cho tôi một lần và không yêu cầu tính lãi.

*** Tại phiên toà Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:** Trước đây tôi có làm chủ hụi góp vốn xoay vòng không có lãi, hụi 10.000.000 đồng/1 chân, hụi 4 tháng xỏ 1 lần, trong dây hụi này có tất cả là 32 chân hụi, trong đó anh Võ Văn Đ Em chơi 01 chân hụi và trong danh sách hụi lấy tên là bà Đ.

Hình thức chơi hụi, tôi là chủ hụi thì tôi là người được hốt đầu tiên và tôi bỏ hụi là 6.000.000 đồng và tất cả các thành viên trong dây hụi đều đóng số tiền là 6.000.000 đồng, lần tiếp theo nếu người hốt bỏ hụi 5.000.000 đồng thì tất cả các thành viên trong dây hụi đều đóng 5.000.000 đồng và cứ lần lượt như thế đến người hốt sau cùng là 10.000.000 đồng và tất cả mọi người trong dây hụi đều đóng 10.000.000 đồng.

Trong thời gian chơi hụi thì anh Đ Em chưa hốt hụi và anh Đờ E đã đóng được 22 lần là đúng. Khi anh Đ Em đóng tiền hụi thì không có giấy tờ gì, tôi tự ghi trong sổ của tôi. Dây hụi này là hụi không có hoa hồng cho chủ hụi, tôi chỉ được hốt đầu tiên. Lý do tôi không trả tiền hụi cho anh Đ Em được là do các người chơi hụi trong dây hụi này đã hốt nhưng không đóng lại nên tôi không trả tiền cho anh Đờ E được.

Nay tôi xác nhận là tôi còn nợ tiền hụi của anh Đ Em số tiền thực tế anh Đờ E đã đóng là 120.000.000 đồng và tôi xin được trả dần cho anh Đ Em mỗi năm 10.000.000 đồng vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế tôi đang gặp khó khăn.

*** Bị đơn ông Lê Công T1 trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2024:** Trước đây vợ tôi là Trần Thị T có làm chủ hụi, trong đó anh Võ Văn Đ Em có chơi hụi như anh Đờ E và vợ tôi trình bày là đúng. Tôi có ký tên vào Biên bản về việc thành lập phường mùa tương trợ vốn vào ngày 21/5/2012. Nay anh Đ Em yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền hụi còn thiếu là 120.000.000 đồng thì tôi đồng ý cùng vợ tôi trả nợ cho anh Đ Em, nhưng tôi xin trả dần cho anh Đ Em mỗi năm là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền

hạn của mình theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Võ Văn Đ** Em. Buộc bà **Trần Thị T** ông **Lê Công T1** trả cho anh **Võ Văn Đ** Em số tiền hui còn thiếu là 120.000.000 đồng. Về án phí: bà **T** ông **T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng nhưng bà **T** ông **T1** là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông **Lê Công T1** với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa ông **T1** vắng mặt, xét thấy ông **T1** có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông **Lê Công T1**.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa anh **Võ Văn Đ** Em và bà **Trần Thị T** ông **Lê Công T1** là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu của anh **Đ** Em yêu cầu vợ chồng bà **T** ông **T1** trả cho anh **Đ** Em số tiền hui còn thiếu là 120.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa anh **Đời E** và bà **T** thống nhất trước đây anh **Đ** Em có chơi hui do bà **T** ông **T1** làm chủ, trong thời gian chơi hui thì anh **Đ** Em chưa hót hui và hiện nay vợ chồng bà **T** ông **T1** còn nợ của anh **Đ** Em số tiền thực tế anh **Đời E** đã đóng tiền hui là 120.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Vợ chồng bà **T** ông **T1** không thực hiện việc trả tiền hui cho anh **Đ** Em là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của chính phủ về họ, hui, biếu, phượng, do đó anh **Đ** Em yêu cầu vợ chồng bà **T** ông **T1** trả số tiền hui còn thiếu 120.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của vợ chồng bà **T** ông **T1** xin trả dần cho anh **Đ** Em mỗi năm là 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên toà anh **Đ** Em không đồng ý với yêu cầu trả dân của bà **T** ông **T1** nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Các đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng bà **T** ông **T1** có nghĩa vụ trả cho anh **Đ** Em số tiền hui là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T2 khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*)

Án phí tính như sau: 120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng.

- Yêu cầu của anh **Đ** Em được chấp nhận nên anh **Đ** Em không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho anh **Võ Văn Đ** Em số tiền tạm ứng án phí là 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0003626 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc vợ chồng bà **T** ông **T1** phải nộp 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) nhưng bà **T** ông **T1** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T2 khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 351, 471, 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của chính phủ về họ, hui, biên, phường.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T2 khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Võ Văn Đ** Em.

2. Buộc vợ chồng bà **Trần Thị T** ông **Lê Công T1** trả cho anh **Võ Văn Đ** Em số tiền hui là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Trả lại cho anh **Võ Văn Đ** Em số tiền tạm ứng án phí là 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0003626 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Trần Thị T** ông **Lê Công T1** là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THA huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái

